

Bản án số: 09/ 2021/ HNGĐ - ST
Ngày: 17 /9/ 2021.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Thu và bà Phùng Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị Q, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm 1, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm 2, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Mai Thị Q vì chị có đơn xin xét xử vắng mặt) do bị cách ly dịch bệnh covid; còn anh Phạm Văn K vắng mặt (anh K vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, cùng các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Mai Thị Q trình bày: Chị và anh Phạm Văn K sau thời gian tự do tìm hiểu khoảng 1 năm, sau đó anh chị quyết định xây dựng gia đình với nhau, trước khi cưới chị và anh K có đến UBND xã Khánh T, huyện Yên Khánh, để làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2006, sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới chị và anh K về chung sống hạnh phúc cùng với bố mẹ anh K tại xóm 2, xã Khánh T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K hay uống rượu say và đánh chửi vợ con, vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên bố mẹ khuyên bảo nhiều lần, song anh K vẫn uống rượu và đánh đập chị. Do vậy chị đã đưa 2 con về nhà bố mẹ để chị ở xã Khánh H để sinh sống và vợ chồng sống ly thân kể từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, tính đến nay vợ chồng sống ly

thân được 5 năm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn K.

Về con: Trong quá trình chung sống cho đến nay chị và anh K có 02 người con chung, tên cháu là Phạm Lan A, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2009 và cháu Phạm Mai P, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2013, hiện tại hai cháu đang do chị Q nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Nay chị đề nghị Tòa án giao cả hai cháu A và P cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống, chị không yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con cho chị.

Về con riêng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Q xác định cho đến nay chị và anh K không có loại tài sản gì về công nợ và đất nông nghiệp không có, nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trả lời và bản tự khai ngày 16 tháng 6 năm 2021, bị đơn là anh Phạm Văn K trình bày: Anh và chị Q kết hôn hợp pháp vào ngày 15/11/2006 tại UBND xã Khánh T, huyện Yên Khánh. Vợ chồng chung sống từ năm 2006 cho đến nay, anh vẫn còn tình cảm với chị Q, nên anh không đồng ý ly hôn, còn việc ly hôn là do chị Q giải quyết.

Về con: Anh K xác định cho đến nay anh và chị Q có 02 người con chung là Phạm Lan A, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2009 và cháu Phạm Mai P, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2013, hiện đang do chị Q nuôi dưỡng. Nếu chị Q muốn ly hôn thì anh để cho chị Q được nuôi dưỡng cả hai cháu, còn anh không có gì cho các cháu. Về con riêng không có nên anh không yêu cầu.

Về tài sản: Anh K xác định cho đến nay vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ ai, nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định. Việc anh K vắng mặt không có lý do, song đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị Q xử cho ly hôn với anh Phạm Văn K. Về con: Căn cứ nguyện vọng của cháu Phạm Lan A và cháu Phạm Mai P nên giao cả hai cháu cho chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và anh K không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con cho chị Q là phù hợp. Về tài sản: Chị Q và anh K đều xác định không có tài sản và không có yêu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí chị Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vào ngày 20/8/2021 chị Mai Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt vì chị đang bị cách ly dịch bệnh covid; còn anh Phạm Văn K vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt chị Mai Thị Q vì chị có đơn xin xét xử vắng mặt; còn anh Phạm Văn K vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Q và anh Phạm Văn K, sau thời gian một năm tìm hiểu nhau, trước khi cưới chị và anh K đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 11 năm 2006 tại UBND xã Khánh T, huyện Yên Khánh, quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh K là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2016, thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh K hay uống rượu và đánh chửi chị Q nhiều lần, bản thân anh K đã được gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả. Do vậy mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng, nên đến tháng 7 năm 2016 chị Q đã đưa hai con về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ chị tại xã Khánh H, huyện Yên Khánh kể từ đó cho đến nay. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả và Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy anh K hay uống rượu nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị Q cùng hai cháu đã chuyển về xã Khánh H để sinh sống từ năm 2016, vợ chồng sống ly thân kể từ thời gian này. Đến tháng 4 năm 2018 thì chị Q chuyển khẩu về xã Khánh H, huyện Yên Khánh. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Tại văn bản trả và bản tự khai anh K xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không nhất trí ly hôn, nếu trường hợp ly hôn thì anh K nhất trí giao cả hai con chung cho chị Q nuôi dưỡng. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định tình cảm giữa chị Q và anh K không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, đã có thời gian dài sống ly thân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Q xử cho ly hôn với anh K là phù hợp.

[3] Về con: Chị Q và anh K có hai người con chung là cháu Phạm Lan A, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2009 và cháu Phạm Mai P, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2013, hiện tại các cháu đang do chị Q nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị Q có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh K về nghĩa vụ cấp dưỡng. Bản thân hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với chị Q, anh K cũng nhất trí giao hai cháu cho chị Q nuôi dưỡng. Do vậy giao hai con chung cho chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và anh K không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Q là phù hợp. Về con riêng chị Q, anh K không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị Q, anh K đều xác định không có tài sản và công nợ, nên chị Q và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị Q là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mai Thị Q về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Phạm Văn K.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Q được ly hôn anh Phạm Văn K.

- Về con: Giao cháu Phạm Lan A, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2009 và cháu Phạm Mai P, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2013 cho chị Mai Thị Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống, anh Phạm Văn K không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Mai Thị Q và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Chị Mai Thị Q và anh Phạm Văn K không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Mai Thị Q phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005433 ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THA DS huyện Yên Khánh .
- UBND xã Khánh T; đương sự; lưu hồ sơ.

Vũ Nhật Trung